

Bài 8

NHẬT BẢN

Là nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng từ sau năm 1945, Nhật Bản bước vào một thời kì phát triển mới với những đổi thay căn bản về chính trị – xã hội cùng những thành tựu như một sự “thần kì” về kinh tế, khoa học – công nghệ. Nhật Bản đã vươn lên, trở thành một siêu cường kinh tế, một trung tâm kinh tế – tài chính thế giới.

I – NHẬT BẢN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1952

Sự thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho Nhật Bản những hậu quả hết sức nặng nề.

Khoảng 3 triệu người chết và mất tích ; 40% đô thị, 80% tàu bè, 34% máy móc công nghiệp bị phá huỷ ; 13 triệu người thất nghiệp ; thảm hoạ đói, rét đe dọa toàn nước Nhật.

Sau chiến tranh, Nhật Bản đã bị quân đội Mĩ, với danh nghĩa lực lượng Đồng minh, chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1952, nhưng Chính phủ Nhật Bản vẫn được phép tồn tại và hoạt động.

Về chính trị, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (viết tắt theo tiếng Anh là SCAP) đã loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản. Toà án Quân sự Viễn Đông đã xét xử tội phạm chiến tranh Nhật Bản (kết án tử hình 7 tên, tù chung thân 16 tên). Hiến pháp mới do SCAP tổ chức soạn thảo (có hiệu lực từ ngày 3 – 5 – 1947), quy định Nhật Bản là nước quân chủ lập hiến, nhưng thực chất là theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản. Hiến pháp mới vẫn duy trì ngôi vị Thiên hoàng song chỉ mang tính tượng trưng, không còn quyền lực đối với Nhà nước ; xác định Nghị viện gồm hai viện, do nhân dân bầu ra, là cơ quan quyền lực tối cao giữ quyền lập pháp ; Chính phủ nắm quyền hành pháp, do Thủ tướng đứng đầu. Nhật Bản cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế ; không duy trì quân đội thường trực, chỉ có lực lượng phòng vệ dân sự bảo đảm an ninh, trật tự trong nước.

Về kinh tế, SCAP đã thực hiện ba cuộc cải cách lớn : *một là*, thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, trước hết là giải tán các “Daibátxư” (tức là các tập đoàn, công ti tư bản lũng đoạn còn mang nhiều tính chất dòng tộc) ; *hai là*, cải cách ruộng đất, quy định địa chủ chỉ được sở hữu không quá 3 hécta ruộng, số còn lại Chính phủ đem bán cho nông dân ; *ba là*, dân chủ hoá lao động (thông qua việc thực hiện các đạo luật về lao động). Dựa vào sự nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mĩ, đến khoảng năm 1950 – 1951, Nhật Bản đã khôi phục kinh tế, đạt mức trước chiến tranh.

Trong *chính sách đối ngoại*, Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ. Nhờ đó, nước Nhật sớm kí kết được *Hiệp ước hoà bình Xan Phranxixcô* (8 – 9 – 1951), chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh (1952). Cùng ngày, *Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật* được kí kết, đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.



– *Nêu nội dung cơ bản của những cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng.*

– *Liên minh Nhật – Mĩ được biểu hiện như thế nào ?*

II – NHẬT BẢN TỪ NĂM 1952 ĐẾN NĂM 1973

Sau khi được phục hồi, từ năm 1952 đến năm 1960, *kinh tế* Nhật Bản có bước phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến năm 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển “thần kì”.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1969 là 10,8% ; từ năm 1970 đến năm 1973, tuy có giảm đi nhưng vẫn đạt bình quân 7,8%, cao hơn rất nhiều so với các nước phát triển khác. Năm 1968, kinh tế Nhật Bản đã vượt Anh, Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức, Italia và Canada, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ).

Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Tây Âu).

Nhật Bản rất coi trọng *giáo dục* và *khoa học – kĩ thuật*, luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua bằng phát minh sáng chế. Tính đến năm 1968, Nhật Bản đã mua bằng phát minh của nước ngoài trị giá tới 6 tỉ USD. Khoa học – kĩ thuật và công nghệ Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng, đạt được nhiều thành tựu lớn.

Ngoài các sản phẩm dân dụng nổi tiếng thế giới (như tivi, tủ lạnh, ô tô v.v., Nhật Bản còn đóng tàu chở dầu có trọng tải 1 triệu tấn ; xây dựng các công trình thế kỉ như đường ngầm dưới biển dài 53,8 km nối hai đảo Hônsu và Hôccaiđô, cầu đường bộ dài 9,4 km nối hai đảo Hônsu và Sicôcư.



Hình 21. Cầu Sêtô Ôhasi nối hai đảo Hônsu và Sicôcư

Nhật Bản nhanh chóng vươn lên thành một siêu cường kinh tế (sau Mĩ) là do một số yếu tố sau : 1. Ở Nhật Bản, con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu ; 2. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước ; 3. Các công ti Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lí tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao ; 4. Nhật Bản biết áp dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm ; 5. Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp (không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế ; 6. Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển, như nguồn viện trợ của Mĩ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 – 1953) và Việt Nam (1954 – 1975) để làm giàu v.v..

Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn có những hạn chế và gặp phải nhiều khó khăn : 1. Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, nền công nghiệp của Nhật Bản hầu như phụ thuộc vào các nguồn nguyên, nhiên liệu nhập khẩu từ bên ngoài ; 2. Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tôkiô, Ôxaca và Nagôia, giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng có sự mất cân đối ; 3. Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới, Trung Quốc v.v..

Về chính trị, từ năm 1955 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền ở Nhật Bản. Dưới thời Thủ tướng Ikêda Hayato (1960 – 1964), Nhật Bản chủ trương xây dựng “Nhà nước phúc lợi chung”, tăng thu nhập quốc dân lên gấp đôi trong vòng 10 năm (1960 – 1970).

Nền tảng căn bản trong *chính sách đối ngoại* của Nhật Bản vẫn là liên minh chặt chẽ với Mĩ. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật (kí năm 1951) có giá trị trong 10 năm, sau đó được kéo dài vĩnh viễn. Tuy vậy, phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật, chống chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam, cũng như các cuộc đấu tranh theo mùa (mùa xuân và mùa thu) kể từ năm 1954 trở đi đòi tăng lương, cải thiện đời sống luôn diễn ra mạnh mẽ.

Năm 1956, Nhật Bản bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Cùng năm đó, Nhật Bản là thành viên của Liên hợp quốc.



– *Những nhân tố nào thúc đẩy sự phát triển “thần kì” của kinh tế Nhật Bản ?*

– *Hãy nêu những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản.*

III – NHẬT BẢN TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn. Tuy nhiên, từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với lượng dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ, gấp 1,5 lần của Cộng hoà Liên bang Đức. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.



Hình 22. Tàu cao tốc ở Nhật Bản

Với tiềm lực kinh tế – tài chính ngày càng lớn mạnh, từ nửa sau những năm 70, Nhật Bản bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới, thể hiện trong học thuyết Phucuda (1977) và học thuyết Kaiphu (1991). Nội dung chủ yếu của các học thuyết trên là tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21 – 9 – 1973.

 *Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong những năm 1973 – 1991 như thế nào ?*

IV – NHẬT BẢN TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

Từ đầu thập kỉ 90, *kinh tế* Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái, nhưng Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.

Tỉ trọng của Nhật Bản trong nền sản xuất của thế giới là 1/10. GDP của Nhật Bản năm 2000 là 4 746 tỉ USD và bình quân GDP trên đầu người là 37 408 USD.

Khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản vẫn tiếp tục phát triển ở trình độ cao. Tính đến năm 1992, Nhật Bản đã phóng 49 vệ tinh khác nhau và hợp tác có hiệu quả với Mĩ, Liên Xô (sau là Liên bang Nga), trong các chương trình vũ trụ quốc tế.


Về văn hoá, tuy là một nước tư bản phát triển cao, nhưng Nhật Bản vẫn giữ được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hoá của mình. Sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại là nét đáng chú ý trong đời sống văn hoá Nhật Bản.

Về chính trị, sau 38 năm Đảng Dân chủ Tự do liên tục cầm quyền (1955 – 1993), từ năm 1993 đến năm 2000, chính quyền ở Nhật Bản thuộc về các đảng đối lập hoặc liên minh các đảng phái khác nhau, tình hình xã hội Nhật Bản có phần không ổn định.

Trận động đất ở Cômê (1 – 1995) đã gây thiệt hại lớn về người và của ; vụ khủng bố bằng hơi độc trong đường tàu điện ngầm của giáo phái Aum (3 – 1995) và nạn thất nghiệp tăng cao v.v. đã làm cho nhiều người dân Nhật Bản hết sức lo lắng.

Về đối ngoại, Nhật Bản tiếp tục duy trì sự liên minh chặt chẽ với Mĩ. Tháng 4 – 1996, hai nước ra tuyên bố khẳng định lại việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật. Mặt khác, với học thuyết Miyadao (1 – 1993), và học thuyết Hasimôtô (1 – 1997), Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác đến phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.

 *Nêu những nét cơ bản về tình hình kinh tế và chính trị của Nhật Bản trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Những yếu tố nào khiến Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới vào nửa cuối thế kỉ XX ?
2. Khái quát chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.